TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2025/HSST
Ngày: 24/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Út
2. Bà Hoàng Thị Bằng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An , tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử kín vụ án hình sự thụ lý số: 18/2025/ HSST ngày 11 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/ QĐXXST- HS ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo:

Lý Đàm N - Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 03/3/1959, tại: xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm H, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 06/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đàm Văn C, sinh năm: 1918 (Đã chết); Con bà: Bế Thị N, sinh năm: 1918 (Đã chết); Vợ: Nông Thị T, sinh năm 1958, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cư trú tại: xóm H, xã Đ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; Con: có 03 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1988. Anh, chị, em ruột: Có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án: Có 02 tiền án

- Ngày 27/12/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 52/2019/HS-ST.

- Ngày 20/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 47/2022/HS-ST.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2024 đến ngày 29/11/2024, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hoà An. Sau đó, do bị cáo bị bệnh nặng nên được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh theo Quyết định về việc bảo lĩnh số 423 ngày 28/11/2024 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An và Quyết định về việc bảo lĩnh số 03 ngày 13/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An. Đến ngày 12/6/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 15/LC-TA ngày 12/6/20025 và tạm hoãn xuất cảnh theo Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 15/QĐ-TA ngày 12/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Hoà An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị D - Sinh năm 1963

Địa chỉ: xóm M, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nông Thị T- Sinh năm 1968

Địa chỉ: xóm M, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị T; sinh năm: 1958

Địa chỉ: xóm H, xã Đ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Sầm V - Sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm L, xã H, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

2. Ông Hoàng Nhật L - Sinh năm 1993

Địa chỉ: xóm 2 B, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Cháu Nông Hiền T; Sinh ngày 14/12/2007; Vắng mặt không có lý do)
4. Bà Lưu Thị Thu H; sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ tại: xóm 1 B, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. (Bà H đồng thời là người đại diện hợp pháp của người làm chứng Nông Hiền T). Bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng hơn 18 giờ ngày 02/11/2024, Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nhận được tin báo từ quần chúng nhân dân về việc phát hiện một người đàn ông đang có hành vi hiếp dâm một người phụ nữ tại khu vực đầu cầu Hồng Việt thuộc xóm 1 Bế T, thị trấn N, huyện Hòa An. Tiến hành xác minh tại hiện trường, cơ quan Công an phát hiện một người đàn ông đang có hành vi giao cấu với một người phụ nữ. Người đàn ông khai nhận tên là Lý Đàm N, sinh năm 1959, trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Người phụ nữ tại thời điểm đó tinh thần không được minh mẫn, tỉnh táo, qua thông tin do Công an thị trấn N, huyện Hòa An cung cấp được biết người phụ nữ tên là Nguyễn Thị D, sinh ngày 02/07/1963, trú tại: Xóm M, thị trấn N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoà An đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lý Đàm N và đưa những người có liên quan về trụ sở để làm việc.

Ngày 03/11/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11AH-007.89, nhãn hiệu BOSSCITY, màu sơn nâu của Lý Đàm N sử dụng làm phương tiện di chuyển vào thời điểm xảy ra vụ việc. Đồng thời thu thập Camera của nhà dân khu vực xung quanh gần nơi xảy ra vụ việc, thu được dữ liệu điện tử là video thấy hình ảnh đối tượng Lý Đàm N đang có hành vi lôi kéo đối với bà Nguyễn Thị D. Dữ liệu nội dung video được lưu trữ vào 01 thiết bị USB để xác minh, điều tra giải quyết vụ việc.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 18 giờ ngày 02/11/2024, Lý Đàm N khi đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11AH- 007.89 đi trên đường thì nhìn thấy bà Nguyễn Thị D đang đi bộ trên đường gần khu vực Cửa hàng xăng dầu Lan Khôi thuộc phố H, thị trấn N, huyện Hòa An. Do bản thân đã sử dụng nhiều rượu, nên lúc này N đã nảy sinh ham muốn quan hệ tình dục với bà D. N điều khiển xe mô tô đi từ từ bên đường đối diện theo sau để quan sát bà D. Khi đi đến khu vực ngã 3 đường rẽ vào xã H, huyện Hoà An thì N dừng xe mô tô, bước sang đường, đến gần và cầm lấy tay của bà D nói *"đi chơi a, đi theo anh*

chơi một tý". Không thấy bà D phản kháng, N cầm tay kéo bà Duyến đi bộ sang đường theo hướng vào xã H. Lúc này, bà D nói *"không đi đâu"* nhưng N vẫn tiếp tục lôi, kéo bà D đi theo mình. Thấy vậy, bà D dùng tay bám vào cột biển báo chỉ đường ngay bên lề đường tại ngã 3 đường rẽ đi xã H để chống cự nhưng vẫn bị N lôi đi theo hướng đường vào xã H. Khi đi được khoảng gần 30 mét, N thấy có một bãi đất trống cách đường khoảng 15 mét nên lôi, kéo bà D xuống bãi đất đó. Bà D cố dùng sức để giằng tay ra và ngồi bệt xuống đất để phản kháng, nhưng do N khỏe hơn nên đã bị N lôi kéo xuống khu vực bãi đất. Tại đây, N dùng sức vật ngửa bà D xuống mặt đất, rồi dùng hai tay kéo quần của bà D xuống, đồng thời tự cởi quần của mình đang mặc xuống và nằm đè lên người bà D để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Khi đang nằm đè lên người bà D thì có người dân đi qua đường và nói *"sao làm bậy thế này",* N nghe thấy vậy liền dừng lại, mặc lại quần và chạy lên trên đường, đi về hướng đường quốc lộ nơi N đang để xe mô tô. Khoảng 10 phút sau, quan sát thấy không có người thì N quay lại bãi đất, mục đích để tiếp tục thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bà D, nhưng do có nhiều người đi lại trên đường nên N lại quay lên đường. Một lúc sau, quan sát thấy không có người, N tiếp tục quay lại bãi đất. Nhìn thấy bà D vẫn đang nằm tại bãi đất, không mặc quần N tiến lại gần chỗ bà D nằm và cởi bỏ quần đang mặc rồi nằm đè lên người bà D, nhưng bà D tiếp tục phản kháng và kêu, hét lên bằng tiếng dân tộc Tày là *"Thai á né; Thai á né..."* nhiều lần nhưng N không dừng lại, vẫn tiếp tục nằm đè lên người bà D để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Khi N chuẩn bị thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bà D thì bị cơ quan Công an huyện Hòa An đến ngăn chặn sự việc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa N cùng bà D về trụ sở làm rõ vụ việc

Tại thời điểm phát hiện sự việc, bà Nguyễn Thị D đang trong tình trạng bị kích động, không đủ tỉnh táo để làm việc với cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoà An đã đưa bà Nguyễn Thị D đến trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng để khám các tổn thương và khám bộ phận sinh dục. Đồng thời, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 379 ngày 02/11/2024, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng giám định tình dục đối với Nguyễn Thị D. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 015/24//KLTD-TTPY ngày 07/11/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận:

- *Bộ phận sinh dục ngoài không có dấu vết tổn thương.*

- *Màng trinh không có vết rách mới.*

- Không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.

- Trên cơ thể của nạn nhân không có dấu vết thương tích nên không có cơ sở để xác định cơ chế hình thành vết thương.

- Bộ phận sinh dục của Nguyễn Thị D có dấu vết tinh dịch hay không thì Trung tâm Pháp y không có đủ trang thiết bị máy móc để phát hiện dấu vết tinh dịch.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Thị D tại thời điểm giám định là: 0 % (Không phần trăm).

Quá trình điều tra, xác minh, thu thập tài liệu thấy bà Nguyễn Thị D có Giấy xác nhận ngày 27/5/2010, là bệnh nhân đã được khám tại khoa Tâm thần Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh Cao Bằng với chuẩn đoán Tâm thần và được đăng ký quản lý điều trị tại Trung tâm y tế dự phòng Hòa An từ ngày 26/9/2008. Hiện tại bà D đang hưởng trợ cấp xã hội đối với người tâm thần mãn tính từ ngày 01/6/2011 theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 13/7/2011, của Uỷ ban nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 09/12/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 436, trưng cầu Viện Pháp y tâm thần Trung ương giám định tình trạng tâm thần đối với bị hại Nguyễn Thị D. Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 95/KLGĐ ngày 12/5/2025, của Viện Pháp y tâm thần Trung ương kết luận:

- Trước, trong và sau khi Lý Đàm N thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Thị D ngày 02/11/2024 và tại thời điểm giám định bị hại Nguyễn Thị D bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng, bệnh ở giai đoạn sa sút tâm thần. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.5.

- Tại các thời điểm trên Nguyễn Thị D mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 09/5/2025, tại Phiếu xét nghiệm test nhanh HIV của Trung tâm y tế huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xác định: Lý Đàm Nhí Âm tính với HIV.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSHA ngày 10/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lý Đàm N về tội " Hiếp dâm" theo điểm i khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng sau khi kết thúc phần xét hỏi bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, có đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nông Thị T (Bà T là em dâu của bị hại) có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà Nguyễn Thị D bị bệnh Tâm thần từ khi sinh con thứ tư vào năm nào không nhớ. Hiện nay, bà D đang được hưởng trợ cấp xã hội từ năm 2011, bà D không nhận thức được hành vi. Bà T là người đứng ra chăm sóc và nhận trợ cấp hàng tháng cho bà D. Việc bị cáo thực hiện quan hệ tình dục với bà D bà không biết. Tại phiên tòa, về trách nhiệm hình sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lý Đàm N.

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lý Đàm N phạm tội " Hiếp dâm".

Áp dụng: điểm i, khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Đề nghị xử phạt: bị cáo Lý Đàm N từ 08 năm đến 8 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại bà Nông Thị T không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, màu sơn nâu, yếm xe màu trắng, biển kiểm soát 11AH-00789, xe đã qua sử dụng. (kèm theo 01 chìa khoá của chiếc xe trên). Bị cáo dùng chiếc xe làm phương tiện đi lại, không liên quan đến việc phạm tội. Xe này có nguồn gốc tiền mua là của bà T, tài sản chung của vợ chồng, gia đình chỉ có chiếc này là duy nhất để làm phương tiện. Tại phiên toà bà T có yêu cầu xin lại chiếc xe, do đó cần hoàn trả chiếc xe cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Nông Thị T: Nhất trí với tội danh và các căn cứ đề nghị của đại diện viện kiểm sát đã trình bày tại phiên tòa. Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự, nên không đặt ra việc xem xét việc bồi thường theo quy định của pháp luật. Do vậy, không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát về các vấn đề đã được trình bày tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử, công tâm ra bản án theo quy định của pháp luật để làm bài học cho bị cáo, đồng thời là lời cảnh tỉnh đối với những ai có ý định phạm tội.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt; Tuy nhiên, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội trở lại với cộng đồng là công dân lương thiện có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Bị hại là người mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

Đối với bị hại bà Nguyễn Thị D có chồng là ông Lý Đại D (Đã chết năm 2005), bà D và ông D sinh được 04 người con là Lý Thị Hiền L, Lý Trung T1, Lý Trung T2, Lô Thuý M. Hiện nay, các con bà D đều đi làm ăn xa, không sinh sống cùng bà D. Hiện nay bà D sinh sống một mình tại xóm M, thị trấn N, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng, hàng tháng bà D được hưởng trợ cấp xã hội đối với bệnh nhân tâm thần, bà Nông Thị T là người đứng ra nhận trợ cấp và thực hiện việc chăm sóc cho bà D hàng ngày. Bà T có quan hệ họ hàng với bà D là

chị em dâu. Do các con không có mặt tại địa phương và có giấy uỷ quyền cho bà T tham gia với tư cách là người đại diện hợp pháp cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và điều luật xét xử: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo về các tình tiết của vụ án, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp cho bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Do đã uống nhiều rượu nên khoảng 18 giờ ngày 02/11/2024, Lý Đàm N nảy sinh ham muốn quan hệ tình dục với bà Nguyễn Thị D. Bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực lôi kéo bà D đi xuống bãi đất trống thuộc khu vực đầu cầu Hồng Việt thuộc xóm 1 B, thị trấn N, huyện Hòa An nhằm mục đích thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái với ý muốn của bà D.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần của Viện Pháp y tâm thần Trung ương xác định: Trước, trong và sau khi bị Lý Đàm N thực hiện hành vi giao cấu và tại thời điểm giám định, bị hại Nguyễn Thị D bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng, bệnh ở giai đoạn sa sút tâm thần.Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.5.Tại các thời điểm trên Nguyễn Thị D mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, nhân phẩm, danh dự, sức khoẻ của con người được pháp luật bảo vệ; Lợi dụng bà D, bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không có khả năng tự vệ, để thực hiện hành vi quan hệ tình dục nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Tại thời điểm xảy ra vụ việc bị cáo đã sử dụng vũ lực để lôi kéo, ép buộc bà D phải thực hiện hành vi quan hệ tình dục, khi có người qua đường nhìn thấy và ngăn cản thì bị cáo đã bỏ đi, nhưng sau đó bị cáo vẫn quay lại để tiếp tục thực hiện hành vi. Khi bị cáo chuẩn bị thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bà D thì bị cơ quan Công an huyện Hòa An đến ngăn chặn sự việc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa bị cáo cùng bà D về trụ sở làm rõ vụ việc.

Xét thấy, bị cáo đã có 02 tiền án cụ thể: Tại bản án số 52/2019/HS/ST Ngày 27/12/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 *(Mười tám)* tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; Tại bản án số 47/2022/HS-ST, ngày 20/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 *(Mười hai)* tháng tù

về tội "Cố ý gây thương tích". Xét bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích là tái phạm, đến lần phạm tội này xác định bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo là người đủ năng lực và nhận thức được việc giao cấu với người bị hại là trái pháp luật nhưng vì dục vọng của bản thân mà bị cáo vẫn thực hiện hành vi của mình. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lý Đàm Nhí về tội " Hiếp dâm" theo điểm i khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 141. Tội hiếp dâm

''1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

i) Tái phạm nguy hiểm."

[4] Xét tính chất, mức độ: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo thực hiện thể hiện sự liều lĩnh, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền bất khả xâm phạm về tình dục của phụ nữ, đặc biết đối với người bị bệnh tâm thần bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, vi phạm đạo đức … tạo dư luận xấu tại địa phương tại huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, để làm bài học cảnh tỉnh chung trong xã hội hiện nay.

[5] Về nhân thân: Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Về tình tiết tăng nặng: không áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo vì đã được áp dụng là tình tiết định khung hình phạt của loại tội này. Tuy nhiên, cần áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định *"phạm tội đối với người ở trong trạng thái không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức*

hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác". Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên toà, bị cáo còn khai quanh co, nhưng đến khi kết thúc phần xét hỏi bị cáo đã thừa nhận về hành vi của mình nên được coi là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo đối với bị cáo cũng như việc đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên địa bàn hiện nay và chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị hại Nông Thị T không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, màu sơn nâu, yếm xe màu trắng, biển kiểm soát 11AH-00789, xe đã qua sử dụng. (kèm theo 01 chìa khoá của chiếc xe trên). Bị cáo dùng chiếc xe làm phương tiện đi lại, không liên quan đến việc phạm tội. Xe này có nguồn gốc tiền mua là của bà T, tài sản chung của vợ chồng và giấy tờ xe mang tên Lý Đàm N, gia đình chỉ có chiếc này là duy nhất để làm phương tiện. Tại phiên toà bà T có yêu cầu xin lại chiếc xe, do đó cần hoàn trả chiếc xe cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghiã vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm i khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố: Bị cáo Lý Đàm N phạm tội " Hiếp dâm".

2. Xử phạt: Bị cáo Lý Đàm N 08 (tám) năm tù Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian mà bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2024 đến 29/11/2024).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nông Thị T tại phiên toà không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng:

- Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T, sinh năm 1958, có địa chỉ: xóm H, xã Đ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, màu sơn nâu, yếm xe màu trắng, biển kiểm soát 11AH-00789, xe đã qua sử dụng. (kèm theo 01 chìa khoá của chiếc xe trên).

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 23 ngày 12/6/2025.

6.Về án phí: Buộc bị cáo Lý Đàm N phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát huyện Hòa An;
- Phân trại tạm giam khu vực HA;
- Thi hành án DS huyện Hòa An;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại
-Người có QLNVLQ;
- UBND Đại T, Hòa An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 23 ngày 12/6/2025.

6.Về án phí: Buộc bị cáo Lý Đàm Nhí phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bằng – Nguyễn Thị Út **Nguyễn Thị Dong**